TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quốc Toàn;

2. Bà Phạm Thị Thu Trang.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 307/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 212/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long;

2. *Bị đơn*: Ông **Võ Hoàng Anh D**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản khai, Đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Võ Hoàng Anh D kết hôn và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 27/01/2010. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu bà và ông D sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là ông D có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà và ông D đã sống ly thân hơn 11 năm nay. Do đó, nay bà xin được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà và ông D có 01 con chung tên Võ Thiện N, sinh ngày 05/9/2010. Sau khi ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà và ông D không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông D không có, không yêu cầu giải quyết.

Do bận việc nên bà xin vắng mặt trong vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa bà và ông D.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập nhưng bị đơn ông D đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn và con chung với ông Võ Hoàng Anh D, ông D cư trú tại xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Bị đơn ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà T và bị đơn ông D.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà T và ông D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 27/01/2010, nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, theo bà T thì giữa bà và ông D phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là ông D có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà và ông D đã sống ly thân hơn 11 năm nay nên bà xin được ly hôn với ông D. Tòa án đã nhiều lần mời ông D đến để hòa giải nhằm hàn gắn nhưng ông D đều vắng mặt, không có lý do.

Theo xác nhận ngày 10/7/2023 của ông Trương Thanh H là Trưởng khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long do bà T cung cấp thì bà T và ông D là vợ chồng,

có sinh sống tại khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long nhưng đã không còn sống chung từ năm 2013 đến nay.

Như vậy, trong quá trình chung sống giữa bà T và ông D đã có phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tòa án đã nhiều lần mời bà T và ông D đến để hòa giải nhằm hàn gắn nhưng bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn; ông D đều vắng mặt, không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, đều này chứng tỏ ông đã bỏ mặt mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà T. Mặt khác, bà T và ông D đã sống ly thân trong một thời gian dài và đến nay cũng không hàn gắn được. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của bà T và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, bà T được ly hôn với ông D.

[4] Về con chung:

Bà T và ông D có 01 con chung tên Võ Thiện N, sinh ngày 05/9/2010. Sau khi ly hôn, bà T xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, từ khi bà T và ông D sống ly thân đến nay, cháu N sống với bà T, cháu vẫn còn nhỏ, nguyện vọng của cháu là muốn sống với mẹ. Tòa án đã nhiều lần mời ông D đến để giải quyết nhưng ông D đều vắng mặt, không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Để tránh xáo trộn cuộc sống, đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu N thì việc giao cháu N cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung:

Bà T khai không có; ông D vắng mặt, không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà T phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 277, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Võ Hoàng Anh D.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Võ Hoàng Anh D có một con chung tên Võ Thiện N, sinh ngày 05/9/2010. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Thanh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; ghi nhận bà Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu ông Võ Hoàng Anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Võ Hoàng Anh D có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T khai không có; ông Võ Hoàng Anh D vắng mặt, không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003409 ngày 20/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yến